

ĐIỆN TOÁN Đám Mây TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ THEO PHÁP LUẬT HOA KỲ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Hà Công Anh Bảo¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Thùy Hương

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Vũ Hồng Minh

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Vũ Thị Thanh Nhàn

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 25/03/2022; Ngày hoàn thành biên tập: 25/08/2022; Ngày duyệt đăng: 06/09/2022

Tóm tắt: Thương mại điện tử được xây dựng trên nền tảng thương mại truyền thống kết hợp với tiến bộ công nghệ. Đặc biệt, cùng với sự hỗ trợ của điện toán đám mây trong việc cung cấp không gian mạng để lưu trữ dữ liệu, thương mại điện tử đã và đang có sự phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn chưa theo kịp với những biến chuyển của thương mại điện tử nên thực tiễn còn tồn tại nhiều bất cập, điển hình như việc đảm bảo an toàn thông tin cá nhân của người tiêu dùng và thẩm quyền kiểm soát dữ liệu của cơ quan nhà nước. Thông qua việc phân tích các quy định của pháp luật Hoa Kỳ - quốc gia tiên phong ứng dụng điện toán đám mây trong thương mại điện tử, bài viết đưa ra một số đề xuất giúp hoàn thiện khung pháp lý của Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: Điện toán đám mây, Thương mại điện tử, Hoa Kỳ, Việt Nam

CLOUD COMPUTING IN E-COMMERCE UNDER THE USA LAW AND PROPOSALS FOR VIETNAM

Abstract: E-commerce is based on the combination of traditional trade and technological advances. In particular, e-commerce has been thriving thanks to the support of cloud computing in providing cyberspace to archive data. However, the existent laws of Vietnam have not kept pace with the development of e-commerce. Consequently, there are several drawbacks in the application of laws, for instance, the assurance of consumers' personal information safety and the authority of the

¹ Tác giả liên hệ, Email: baohca@ftu.edu.vn

government in administering data. By means of analyzing the provisions of the United States of America, which is one of the pioneering countries in applying cloud computing in e-commerce, this study provides some recommendations to help enhance the Vietnamese legal framework of this matter.

Keywords: Cloud Computing, E-Commerce, The United States of America, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, với sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, các nền tảng công nghệ số được áp dụng trên hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề, tiêu biểu là lĩnh vực thương mại với sự chuyển đổi từ thương mại truyền thống sang thương mại điện tử (TMĐT). Điện toán đám mây (ĐTĐM), mô hình dịch vụ cung cấp tài nguyên máy tính cho người dùng thông qua Internet được xem là đã có những đóng góp quan trọng trong sự chuyển đổi này nhờ những lợi ích vượt trội, tiêu biểu như giảm chi phí, nâng cao trải nghiệm của khách hàng. Ở Việt Nam, TMĐT và ĐTĐM đã ghi nhận những sự tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt là từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát. Năm 2020, TMĐT Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng 18%, quy mô thị trường là 11,8 tỉ USD (Bộ Công Thương, 2021), con số này với thị trường ĐTĐM là 40% và 133 triệu USD cùng khoảng 27 trung tâm dữ liệu điện toán trên cả nước (Ngọc, 2020). Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam chưa có những biến chuyển tương xứng với sự phát triển kể trên, dẫn đến những lỗ hổng lớn trong bảo đảm an toàn dữ liệu kèm theo nhiều thách thức về bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ cũng như quyền kiểm soát của cơ quan nhà nước. Vì vậy, nhóm tác giả nhận thấy cần thiết phải tham khảo kinh nghiệm từ pháp luật nước ngoài để thực hiện đổi mới, cải cách hệ thống pháp luật trong nước. Xem xét bối cảnh hiện nay, Hoa Kỳ không chỉ là một trong những quốc gia đi đầu trong việc ứng dụng ĐTĐM trong TMĐT mà còn xây dựng một hệ thống pháp luật được đánh giá là tương đối hiệu quả khi điều chỉnh các vấn đề liên quan. Bằng phương pháp tổng hợp, so sánh và phân tích, bài viết tìm hiểu quy định của pháp luật Hoa Kỳ đồng thời đưa ra một số gợi ý nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho Việt Nam.

2. Khái quát về điện toán đám mây và ứng dụng trong thương mại điện tử

2.1 Khái niệm điện toán đám mây

Ý tưởng về việc xây dựng ĐTĐM xuất hiện từ những năm 1970 khi công ty IBM tạo ra một hệ điều hành mới có tên là “máy ảo” và cho đến năm 1997, khái niệm ĐTĐM lần đầu tiên được Giáo sư Ramnath Chellappa của Đại học Texas đưa ra trong một buổi nói chuyện về “mô hình điện toán mới”, theo đó, “các ranh giới của điện toán sẽ được xác định bởi cơ sở kinh tế thay vì chỉ giới hạn về mặt kỹ thuật” (Mishra & cộng sự, 2015).

Theo công bố vào năm 2011 của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Hoa Kỳ, “ĐTĐM là mô hình dịch vụ cho phép người truy cập tài nguyên điện toán dùng chung (mạng, server, lưu trữ, ứng dụng, dịch vụ) thông qua kết nối mạng một cách dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi, theo yêu cầu. Tài nguyên điện toán đám mây có thể được thiết lập hoặc hủy bỏ nhanh chóng bởi người dùng mà không cần sự can thiệp của nhà cung cấp dịch vụ” (Jansen & Grance, 2011). Hiểu một cách đơn giản, ĐTĐM là một mô hình cung cấp tài nguyên máy tính cho người dùng thông qua Internet.

Ở Việt Nam, theo Điều 2 khoản 2 điểm d Luật An ninh mạng năm 2018, ĐTĐM được xem là một trong những cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, là một trong những hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo lập, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng quốc gia. Nhìn chung, cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam về ĐTĐM có tính tương đồng với quan điểm của Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Hoa Kỳ, cụ thể là ở: yếu tố về kỹ thuật và yếu tố về cơ sở hạ tầng.

2.2 Đặc điểm điện toán đám mây

Theo Nguyễn (2019), ĐTĐM có năm đặc điểm cơ bản, cụ thể:

Thứ nhất, tính tự phục vụ theo yêu cầu. Đặc tính kỹ thuật của ĐTĐM cho phép người dùng có thể tự quản lý dịch vụ của họ bằng cách tự thiết lập các yêu cầu về nguồn lực như dung lượng lưu trữ, thời gian sử dụng máy chủ... mà không cần sự trợ giúp của nhà cung cấp.

Thứ hai, khả năng truy cập diện rộng. ĐTĐM cung cấp các dịch vụ hoạt động trên môi trường Internet nên ở mọi lúc, mọi nơi có kết nối Internet, người dùng đều có thể sử dụng được dịch vụ.

Thứ ba, tài nguyên tập trung. Các dịch vụ chạy trong trung tâm dữ liệu sử dụng hạ tầng chia sẻ với nhiều mục đích và nhiều tổ chức khác nhau. Cơ chế này hoạt động dựa trên mô hình cho phép tài nguyên phần cứng và tài nguyên ảo hóa sẽ được cấp phát động dựa vào nhu cầu của người dùng. Người sử dụng không cần quan tâm tới việc điều khiển hoặc không cần phải biết chính xác vị trí của các tài nguyên sẽ được cung cấp.

Thứ tư, tính co giãn nhanh chóng. Đặc điểm này được thể hiện thông qua việc cho phép hệ thống có thể tự động mở rộng hoặc thu nhỏ một cách nhanh chóng tùy theo nhu cầu của người dùng, giúp nhà cung cấp sử dụng tài nguyên hiệu quả, phục vụ được nhiều khách hàng. Trong khi đó, đối với người sử dụng dịch vụ, tính co giãn giúp họ giảm chi phí do họ chỉ trả phí cho những tài nguyên thực sự dùng.

Thứ năm, tính đo lường dịch vụ. Dịch vụ được tối ưu cho lưu lượng sử dụng theo nhu cầu của khách hàng và có khả năng báo cáo, giám sát thường xuyên.

2.3 Ứng dụng điện toán đám mây trong thương mại điện tử

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, ĐTĐM đang dần trở thành xu hướng và được ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực. Cụ thể trong lĩnh vực TMĐT, một số ứng dụng nổi bật của ĐTĐM có thể kể đến như sau:

Thứ nhất, máy chủ đám mây (Cloud Server). Máy chủ đám mây là cơ sở hạ tầng ảo được xây dựng để thực hiện việc lưu trữ, xử lý thông tin và ứng dụng (Viettel IDC, 2020). Nó hoạt động tương tự như một máy chủ ảo (Virtual Private Server - VPS) nhưng được tích hợp thêm công nghệ ĐTĐM. Sự khác biệt giữa máy chủ đám mây và VPS nằm ở giới hạn dung lượng. VPS chỉ cung cấp một giới hạn dung lượng nhất định. Với công nghệ ĐTĐM, máy chủ đám mây cho phép lưu trữ và sử dụng dữ liệu ngay trên đám mây mà không phải tải dữ liệu về một máy chủ vật lý. Người sử dụng có thể nâng cấp tài nguyên một cách đơn giản, nhanh gọn, không đòi hỏi việc bảo trì máy chủ đồng thời có khả năng tích hợp nhiều dự án trên cùng một đám mây, nhờ khả năng mở rộng dễ dàng của máy chủ đám mây. Những ưu điểm trên của máy chủ đám mây đáp ứng tốt nhu cầu tăng đột biến của các sàn TMĐT cũng như hỗ trợ sao lưu và bảo mật dữ liệu khách hàng thông qua mã hóa dữ liệu, đồng bộ hóa tệp và bản sao vật lý.

Thứ hai, hộp thoại tư vấn tự động (chatbot). Chatbot là một chương trình máy tính dựa trên trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) mô phỏng các cuộc trò chuyện của con người. Chatbot có thể được coi như một trợ lý kỹ thuật số với nhiệm vụ diễn giải và xử lý các yêu cầu của người dùng để đưa ra câu trả lời nhanh chóng. Nền tảng ĐTĐM là một trong những thành phần cơ bản tạo nên chatbot, giúp cung cấp một lượng dữ liệu khổng lồ và hệ thống phần cứng vật lý mạnh mẽ cho phép các AI liên tục học hỏi. Nền tảng này vừa là nơi lưu trữ, vừa là nơi phát triển của các hệ thống AI (Nguyễn, 2020). Ứng dụng trong TMĐT, chatbot giúp cá nhân hóa trải nghiệm mua hàng dựa trên dữ liệu thu thập và xử lý từ lịch sử giao dịch, tìm kiếm của khách hàng trên nền tảng ĐTĐM đồng thời phản hồi một cách chính xác và nhanh chóng vào bất cứ thời gian nào.

Thứ ba, dịch vụ chăm sóc khách hàng trên ĐTĐM (Cloud Customer Relationship Management - Cloud CRM). Cloud CRM là một công nghệ để quản lý tất cả các mối quan hệ và tương tác của công ty với khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng. Hệ thống Cloud CRM được vận hành trực tiếp trên nền tảng website của doanh nghiệp, có tính toàn diện hơn hệ thống CRM tại chỗ với những ưu điểm như dễ dàng truy cập, khả năng tùy chỉnh cao, triển khai sử dụng nhanh, có thể tích hợp với nhiều phần mềm kinh doanh khác (Nguyễn, 2021). Cloud CRM đáp ứng một cách linh hoạt các nhu cầu của doanh nghiệp bằng cách cung cấp các chức năng đặc trưng như tự động hóa marketing, tự động hóa bán hàng, quản lý lịch làm việc, thống kê báo cáo, hỗ trợ chăm sóc khách hàng và quản lý văn bản và tài liệu. Cloud CRM hiệu quả với các công ty B2C (Business to Customer) - các công

ty trong lĩnh vực bán lẻ, đối tượng khách hàng là người tiêu dùng cuối cùng, vòng đời khách hàng ngắn, yêu cầu những giải pháp trực tiếp, nhanh chóng, dễ tiếp cận đến khách hàng.

Tóm lại, nhờ khả năng đáp ứng linh hoạt yêu cầu của doanh nghiệp, các ứng dụng ĐTĐM ngày càng trở nên phổ biến trên toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực TMĐT. Với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của ĐTĐM như hiện nay, bên cạnh cơ sở hạ tầng, các chính sách về pháp luật sẽ là một nhân tố quan trọng trong việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng ĐTĐM trong TMĐT.

3. Pháp luật của Hoa Kỳ về điện toán đám mây trong thương mại điện tử

Hoa Kỳ không có một đạo luật cụ thể nào quy định toàn diện về vấn đề ĐTĐM trong TMĐT. Thay vào đó, pháp luật Hoa Kỳ tập trung quy định về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu bằng sự kết hợp của hệ thống pháp luật liên bang với hơn 15 văn bản pháp luật, luật của các bang và các hướng dẫn, bộ nguyên tắc được phát triển bởi cơ quan của Chính phủ hoặc các nhóm ngành.

3.1 Quy định về khả năng truy cập, truyền, lưu trữ dữ liệu

Đạo luật Cải thiện Tự do thông tin năm 2016 (Free of Information Improvement Act 2016 - FOIA 2016) đã sửa đổi, bổ sung một số điều khoản về khả năng truy cập dữ liệu trong Bộ luật Hoa Kỳ (United States Code - U.S.C.). Theo đó, mọi tổ chức (trong đó bao gồm nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM và doanh nghiệp TMĐT sử dụng dịch vụ ĐTĐM) phải công khai cho công chúng các thông tin như: trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động, quy trình hoạt động, thủ tục, biểu mẫu, chính sách chung (Điều 552(a)(1) U.S.C.). Ngoài ra, họ phải cung cấp hồ sơ thông tin nhanh chóng cho bất kỳ người nào đối với yêu cầu cung cấp thông tin mà thỏa mãn hai điều kiện: lý do yêu cầu hợp lý và phù hợp với quy tắc công bố tại thời điểm đó về thời gian, địa điểm, lệ phí (Điều 552(a)(3)(A) U.S.C.). Tuy nhiên, pháp luật không hướng dẫn cụ thể về cách xác định thế nào là yêu cầu hợp lý, điều này có thể gây ra sự bất đồng quan điểm giữa các bên trong quá trình thực hiện. Doanh nghiệp TMĐT cũng cần thể hiện một nỗ lực hợp lý trong việc tìm kiếm bản ghi dưới dạng điện tử hoặc định dạng khác sao cho phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin, trừ khi sự tìm kiếm này có thể gây trở ngại đáng kể đối với hoạt động của hệ thống thông tin tự động của doanh nghiệp đó (Điều 552(a)(3)(C) U.S.C.). Như vậy, quy định này là cần thiết để khuyến khích việc nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM tham gia hỗ trợ doanh nghiệp TMĐT trong việc tìm kiếm và lưu trữ dữ liệu TMĐT, nhằm đảm bảo tối đa quyền truy cập thông tin cho người tiêu dùng.

Theo Các nguyên tắc của những hoạt động thông tin đúng mực (Fair Information Practices Principles - FIPPs) do Ủy ban Thương mại Liên bang Hoa Kỳ (Federal Trade Commission - FTC) ban hành: “Truy cập là nguyên tắc cốt lõi thứ ba. Nó đề cập đến khả năng của một cá nhân trong việc truy cập dữ liệu của người này - nghĩa

là xem xét thông tin trong các tệp của một thực thể - và kiểm tra sự chính xác, hoàn thiện của dữ liệu đó. Cả hai quyền đều là cần thiết để đảm bảo thông tin đúng và đầy đủ. Để điều này có ý nghĩa thiết thực, quyền truy cập phải bao gồm sự truy cập thông tin một cách kịp thời và không tốn kém, một phương tiện đơn giản để kiểm tra tính chưa chính xác của dữ liệu, một cơ chế để xác minh thông tin và cách để sự chỉnh sửa hoặc phản đối của người tiêu dùng đối với tệp thông tin có thể truyền đến tất cả người nhận dữ liệu” (Điều 3 FIPPs). Như vậy, quyền truy cập được khẳng định là quyền cơ bản của người tiêu dùng. Sử dụng quyền này, một cá nhân có thể kiểm soát được dữ liệu trên ĐTĐM được ghi nhận và truyền đi một cách đầy đủ và đúng đắn. Không chỉ vậy, FTC còn đưa ra cơ chế đảm bảo các nhà cung cấp phải thực thi quyền truy cập, truyền và lưu trữ dữ liệu cho người tiêu dùng. Phụ thuộc vào tính chất vụ việc, người tiêu dùng có thể sử dụng biện pháp khắc phục là thỏa thuận, chế tài dân sự hoặc chế tài hình sự. Thông thường, hệ thống tự quản lý của doanh nghiệp TMĐT phải cung cấp phương tiện để điều tra các khiếu nại từ người tiêu dùng và đảm bảo người tiêu dùng biết sử dụng phương tiện này. Khi quy tắc tự quản lý bị vi phạm, người tiêu dùng có quyền sửa chữa thông tin sai lệch, chấm dứt hành vi không công bằng hoặc đòi bồi thường thiệt hại (Điều 5 FIPPs).

3.2 Quy định về bảo mật dữ liệu người tiêu dùng

Ở Hoa Kỳ, hệ thống pháp luật điều chỉnh vấn đề bảo mật dữ liệu người tiêu dùng chủ yếu là luật liên bang và các bộ quy tắc của ngành TMĐT.

Đạo luật Bảo mật trong truyền thông điện tử năm 1986, sửa đổi lần cuối vào năm 2008 (Electronic Communications Privacy Act - ECPA) đưa ra các điều khoản cho việc truy cập, sử dụng, tiết lộ và bảo vệ quyền riêng tư của thông tin liên lạc điện tử. ECPA cấm truy cập trái phép các cơ sở dịch vụ liên lạc điện tử và bất kỳ thông tin liên lạc điện tử nào được lưu trữ, đồng thời cấm các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông điện tử tiết lộ nội dung của thông tin liên lạc đó khi nó đang được lưu trữ điện tử (Điều 101(a) ECPA). Như vậy, quy định này là hợp lý vì giúp ngăn chặn sự truy cập trái phép dữ liệu đồng thời hạn chế việc tùy tiện tiết lộ thông tin của các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM.

Đạo luật Gramm-Leach-Bliley năm 1999 (The Gramm-Leach-Bliley Act 1999 - GLBA) hạn chế các tổ chức tài chính tiết lộ thông tin không công khai của người tiêu dùng cho các bên thứ ba không liên kết (Farris & cộng sự, 2019). “Các tổ chức tài chính” ở đây không chỉ bao gồm các ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm mà còn bao gồm các công ty cung cấp các loại sản phẩm và dịch vụ tài chính khác cho người tiêu dùng, nghĩa là bao gồm các doanh nghiệp TMĐT. Trước khi cho phép nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM truy cập vào thông tin cá nhân của khách hàng, doanh nghiệp TMĐT phải đảm bảo nhà cung cấp dịch vụ có khả năng duy trì các biện pháp bảo mật thích hợp đồng thời phải chịu trách nhiệm giải trình đối với các thông lệ bảo mật dữ liệu (Điều 502(b) GLBA). Doanh nghiệp TMĐT

cũng phải ký kết hợp đồng liên kết với nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM, trong đó ghi rõ điều khoản nghiêm cấm nhà cung cấp tiết lộ hoặc sử dụng thông tin ngoài mục đích được cho phép. Ngoài ra, GLBA yêu cầu doanh nghiệp TMĐT phải cung cấp cho khách hàng của họ thông báo về quyền riêng tư khi bắt đầu mối quan hệ khách hàng và giải thích cách thông tin tài chính cá nhân được thu thập, chia sẻ, sử dụng và bảo vệ mỗi năm. Không chỉ vậy, thông báo cũng phải nêu rõ rằng khách hàng có quyền chọn không chia sẻ thông tin tài chính cá nhân của họ với các bên thứ ba không có liên kết. Quy định này là cần thiết nhằm nâng cao bảo mật dữ liệu người dùng, nhưng trên thực tế, khách hàng sử dụng các dịch vụ này thường không chú ý đến những thông báo của doanh nghiệp trên nền tảng TMĐT.

Ngoài các đạo luật chính thức, có một số tiêu chuẩn ngành liên quan đến ĐTĐM được áp dụng và triển khai rộng rãi trong giao dịch TMĐT. Tiêu chuẩn Bảo mật dữ liệu ngành thẻ thanh toán (Payment Card Industry Data Security Standard - PCI DSS) được các công ty thẻ thanh toán cùng phát triển để tạo ra một cấp độ bảo mật bổ sung khi người bán và nhà xử lý thanh toán lưu trữ, xử lý và truyền dữ liệu cá nhân của chủ thẻ. PCI DSS được tham chiếu như một tiêu chuẩn cốt lõi theo pháp luật của một số bang và hầu hết các ứng dụng dựa trên ĐTĐM phải tuân thủ PCI DSS khi xử lý các giao dịch thẻ thanh toán trong giao dịch TMĐT. Trên thực tế, việc bảo mật dữ liệu người tiêu dùng ở Hoa Kỳ được thực hiện chủ yếu qua mô hình tự điều chỉnh (self-regulation model) của ngành TMĐT, bao gồm bốn nhóm biện pháp (Guo, 2012). *Thứ nhất* là hướng dẫn tự xây dựng, điển hình là Liên minh Quyền riêng tư trực tuyến (The Online Privacy Alliance) cho phép thành viên kí kết được dẫn chiếu chính sách bảo mật của Liên minh này, nhưng không điều chỉnh việc thực hiện của các thành viên đó. *Thứ hai* là chương trình xác thực quyền riêng tư TMĐT, nghĩa là các doanh nghiệp cam kết thực hiện quyền riêng tư của người tiêu dùng. *Thứ ba* là phương pháp bảo vệ công nghệ, người tiêu dùng có thể được cảnh báo tự động về thông tin sẽ được thu thập bởi trang mạng đang sử dụng nhờ các phần mềm bảo vệ quyền riêng tư. *Thứ tư* là phương pháp “bến an toàn” (safe harbor) - một phương thức kết hợp giữa các nguyên tắc tự điều chỉnh và nguyên tắc luật định, phụ thuộc vào chính sách của mỗi nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến (bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM) khác nhau.

3.3 Quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong số các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến ĐTĐM trong TMĐT, quyền tác giả và bí mật thương mại là những quyền được quan tâm chủ yếu. Thông thường, các tác phẩm thường được mã hóa trước khi lưu trữ trên không gian ĐTĐM nhằm bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ. Việc mã hóa này biến tác phẩm thành một sản phẩm kỹ thuật số và được bảo hộ theo quy định tại Đạo luật Bản quyền thiên niên kỷ kỹ thuật số năm 1998 (Digital Millennium Copyright Act 1998 - DMCA).

Thứ nhất, DMCA ngăn cấm việc vô hiệu hoá các biện pháp công nghệ kiểm soát quyền truy cập đến các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả (Điều 103(a) DMCA). Nghĩa là, các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM phải sử dụng công nghệ kiểm soát quyền truy cập (ví dụ như mã hóa, xác thực danh tính...) đối với những tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả đang lưu trữ trên không gian ĐTĐM của họ. Những biện pháp này được bảo đảm không bị vô hiệu hóa bởi quy định của DMCA, người có hành vi vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM cũng như chủ sở hữu quyền tác giả.

Thứ hai, nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM không phải chịu trách nhiệm về hỗ trợ công bằng hoặc bồi thường thiệt hại đối với các hành vi vi phạm bản quyền, trừ trường hợp phải chịu trách nhiệm liên đới do có lỗi (Điều 202(a) DMCA). Theo đó, khi phát hiện vi phạm hoặc nhận được khiếu nại từ chủ sở hữu quyền, nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM phải hành động nhanh chóng để loại bỏ hoặc vô hiệu hóa quyền truy cập trái phép vào dữ liệu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời phải chứng minh rằng họ không nhận được lợi ích tài chính liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm bản quyền. Quy định này là cần thiết đối với việc xác định trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trong các tranh chấp liên quan đến dữ liệu được lưu trữ trên nền tảng ĐTĐM.

3.4 Quy định về cung cấp thông tin cho Chính phủ

Tại Hoa Kỳ, một số đạo luật liên bang liên quan đến việc bắt buộc tiết lộ thông tin lưu trữ trên nền tảng ĐTĐM cho Chính phủ là: Đạo luật về Sử dụng hợp pháp dữ liệu nước ngoài năm 2018 (The Clarifying Lawful Overseas Use of Data Act 2018 - CLOUD Act 2018), Đạo luật về Quyền riêng tư của truyền thông điện tử năm 1986 (The Electronic Communications Privacy Act 1986 - ECPA 1986), Đạo luật Truyền thông được lưu trữ năm 1986 (The Stored Communications Act 1986 - SCA 1986)...

Sự ra đời của Đạo luật CLOUD đã cung cấp cơ chế giúp hạn chế việc cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ yêu cầu quyền truy cập dữ liệu miễn phí hoặc quyền truy cập một cách không giới hạn từ nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM, dù dữ liệu được lưu trữ ở Hoa Kỳ hay ở nước ngoài. Cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ chỉ có thể buộc nhà cung cấp dịch vụ cung cấp thông tin khi đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý nghiêm ngặt: được khách hàng chấp thuận hoặc có lệnh do tòa án Hoa Kỳ ban hành theo thủ tục hình sự của Hoa Kỳ (Điều 103(b) CLOUD). Để ban hành lệnh, các cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ phải thuyết phục được tòa án bằng các lý do hợp lý để chứng minh đã có hành vi phạm tội xảy ra và bằng chứng tìm kiếm theo lệnh này có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội đó. Quy định này đã hạn chế được sự can thiệp không cần thiết của cơ quan thực thi pháp luật Hoa Kỳ đối với các dữ liệu được lưu trữ trên ĐTĐM.

Đạo luật SCA đã sửa đổi, bổ sung một số điều khoản trong U.S.C., trong đó đã đề cập đến việc bảo vệ sự riêng tư đối với khách hàng của các nhà cung cấp dịch vụ mạng, đồng thời kiểm soát cách chính phủ có thể truy cập thông tin tài khoản mà các doanh nghiệp TMĐT lưu trữ trên ĐTĐM. Đạo luật SCA thiết lập một hệ thống phân cấp với các thủ tục và tiêu chuẩn khác nhau điều chỉnh về các quy tắc trong việc buộc các nhà cung cấp dịch vụ phải tiết lộ thông tin liên lạc của khách hàng và các hồ sơ liên quan cho chính phủ Hoa Kỳ khi có yêu cầu (Điều 2703(d) U.S.C.). Các tiêu chuẩn của Đạo luật SCA về việc công bố thông tin bắt buộc phụ thuộc vào một số yếu tố, bao gồm loại dữ liệu được tìm kiếm, vấn đề giữ dữ liệu của hệ thống liên lạc điện tử (Electronic Communication Services - ECS) hoặc hệ thống máy tính từ xa (Remote Computing Services - RCS), khoảng thời gian dữ liệu đã được lưu trữ, dữ liệu có nội dung hay không nội dung và khách hàng đã nhận được thông báo trước hay chưa (Điều 2702 U.S.C.) (Mulligan, 2018). Bên cạnh đó, Đạo luật SCA yêu cầu Chính phủ Hoa Kỳ phải có lệnh nếu tìm kiếm quyền truy cập từ nhà cung cấp ECS vào nội dung của giao tiếp đã được “lưu trữ điện tử” từ 180 ngày trở xuống (Điều 2703(a) U.S.C.).

3.5 Quy định về xác định thẩm quyền của tòa án trong giải quyết tranh chấp liên quan đến điện toán đám mây

Do trụ sở của bên cung cấp dịch vụ ĐTĐM, nơi cư trú của khách hàng, địa điểm lưu trữ dữ liệu hay nơi đặt máy chủ thường không đồng nhất nên yêu cầu cốt lõi đặt ra khi giải quyết các tranh chấp đó là xác định được tòa án nơi nào có quyền tài phán, luật của bang nào sẽ được áp dụng. Điều khoản về thủ tục tố tụng tại Tu chính án thứ mười bốn của Hiến pháp Hoa Kỳ đã đặt ra các giới hạn ngoài của quyền tài phán cá nhân. Theo đó: “Nếu một bên có mối liên hệ tương quan một cách có hệ thống và liên tục với tòa án (forum), tòa án đó có thể thực hiện quyền tài phán đối với họ trong bất kỳ tranh chấp nào, ngay cả một tranh chấp phát sinh từ hành vi không liên quan đến tòa án” và “trong trường hợp họ không có mặt tại bang hoặc không có mối liên hệ hệ thống và liên tục với bang, tòa án vẫn có thể thực hiện quyền tài phán nếu hành vi đó đủ phát sinh từ mối liên hệ với bang hay từ các hoạt động bên ngoài bang nhưng đều nhằm mục đích gây ra những tác động trong bang” (Rosenblatt, 1999).

Đối với các tranh chấp liên quan đến ĐTĐM nói riêng và các tranh chấp trên không gian mạng nói chung, các tòa án ở Hoa Kỳ thường áp dụng một số quy tắc như phương pháp truyền thống với chuẩn mực liên hệ tối thiểu (minimum contacts), chuẩn mực “hiệu ứng” (the “effects” test), chuẩn mực “cán cân trượt” (“sliding scale” test) để xác định xem mình có thẩm quyền xét xử hay không. Trong số các quy tắc trên, chuẩn mực “cán cân trượt” là phương thức được sử dụng khá phổ biến. Theo đó, tòa án chia các website thành ba loại cơ bản là thụ động (passive), tương tác (interactive) và tích hợp (integral) (Gladstone, 2003). Website thụ động thường đăng các thông tin có sẵn cho bất kỳ người xem nào như các thông tin về công ty

đề sử dụng nó như một công cụ để quảng cáo, người xem không phản hồi trực tiếp tại website. Website tích hợp là loại website được tích hợp để thực hiện các hoạt động kinh doanh, giao dịch trực tuyến như đặt hàng, xác nhận, trao đổi trực tiếp với khách hàng - các website TMĐT chủ yếu được xếp vào loại này. Website tương tác là loại website kết hợp giữa website thụ động và website tích hợp, nó cho phép người xem ở trạng thái diễn đàn có thể tương tác trở lại và trao đổi thông tin với website.

Trong ba loại website trên, tòa án thường sẽ không có thẩm quyền xét xử đối với website thụ động vì nó không phù hợp với pháp luật về thẩm quyền xét xử truyền thống. Với hai loại website còn lại, thẩm quyền xét xử được xác định dựa trên: phương pháp phân tích truyền thống (đối với website tích hợp) và kiểm tra mức độ tương tác cùng tính chất thương mại (đối với website tương tác). Vụ kiện tiêu biểu cho chuẩn mực “cán cân trượt” là vụ kiện Zippo Mfr. Co. v. Zippo Dot Com Inc. (W.D. Pa. 1997) giữa Công ty sản xuất Zippo (trụ sở tại Pennsylvania, sau đây gọi là A) và Công ty Zippo Dot Com (trụ sở tại California, sau đây gọi là B). Trong vụ kiện này, bên B đã bác bỏ thẩm quyền của tòa án Pennsylvania vì cho rằng các website của mình thuộc loại website thụ động, chỉ đơn thuần đăng thông tin mà người dùng có kết nối Internet đều có thể truy cập được. Lập luận của tòa án trong vụ việc này là các website của bên B có khoảng 3000 người đăng ký có trả phí là cư dân của Pennsylvania và bên B cũng đã ký thỏa thuận với 7 nhà cung cấp dịch vụ truy cập Internet ở Pennsylvania nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu truy cập dữ liệu của cư dân ở đây. Khi người dùng đăng ký các website của bên B, họ được yêu cầu điền thông tin địa chỉ để nhận dịch vụ tin tức. Do đó, theo tòa án Pennsylvania, các website của bên B không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin mà là loại website tương tác với mức độ tương tác cao và cấu thành hoạt động kinh doanh có mục đích của bên B với người dùng ở Pennsylvania. Vì vậy, tòa án Pennsylvania hoàn toàn có cơ sở để thực hiện quyền tài phán trong vụ kiện này.

Có thể thấy, tiêu chuẩn phân chia theo chuẩn mực “cán cân trượt” khá rõ ràng và đơn giản, dễ áp dụng cho các website thuộc loại thụ động và tích hợp. Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể nên đối với loại website tương tác, chuẩn mực “cán cân trượt” lại gây khó khăn cho các thẩm phán khi áp dụng vì phải đánh giá mức độ tương tác giữa người dùng và website. Đặc biệt, khi các website ngày nay được vận hành dựa trên sự hỗ trợ của nền tảng ĐTĐM, việc đánh giá mức độ tương tác ấy càng trở nên khó khăn hơn. Một hạn chế nữa của chuẩn mực “cán cân trượt” đó là việc áp dụng chung một hệ tiêu chuẩn cho tất cả các tranh chấp mà chưa tính đến quy mô, đặc điểm, tính phức tạp của tranh chấp đó. Hơn nữa, do được xây dựng từ rất sớm nên chuẩn mực “cán cân trượt” chưa đề cập đến những vấn đề không phát sinh từ các website như việc một tin tức có thể đột nhập vào máy tính của người dùng và lấy cắp thông tin dù họ chỉ đang truy cập vào một website thụ động và không có một tương tác nào khác (Sableman, 2016). Ngày nay, các công ty cung

cấp dịch vụ ĐTĐM hay các dịch vụ khác trên không gian mạng thường quy định sẵn các điều khoản về thẩm quyền xét xử, pháp luật được áp dụng khi xảy ra tranh chấp trong hợp đồng với khách hàng. Điều này sẽ giúp tòa án dễ dàng thực hiện thẩm quyền xét xử hơn, tuy nhiên lại mang lại điểm bất lợi cho người dùng khi họ thường có xu hướng bỏ qua, không đọc chi tiết về điều khoản khi đăng ký tài khoản và các công ty khi soạn thảo sẽ lựa chọn nơi mà các quy định của pháp luật có lợi hơn với họ.

4. Pháp luật của Việt Nam về điện toán đám mây trong thương mại điện tử

Hiện nay, những vấn đề về ĐTĐM trong TMĐT chưa được pháp luật Việt Nam quy định trong một văn bản thống nhất mà được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau.

Thứ nhất, về khả năng truy cập, truyền và lưu trữ dữ liệu. Điều 17 khoản 3 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 quy định: “Chủ thể thông tin cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân cung cấp thông tin cá nhân của mình mà tổ chức, cá nhân đó đã thu thập, lưu trữ”. Ngoài ra, chủ thể thông tin cá nhân cũng có quyền yêu cầu bên xử lý thông tin cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ hay ngừng cung cấp thông tin của mình cho bên thứ ba (Điều 18 khoản 1 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015). Các quy định trên không chỉ thể hiện quyền cơ bản của người dùng - chủ thể thông tin cá nhân mà còn xác lập nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM cũng như doanh nghiệp TMĐT trong việc truy cập, truyền và lưu trữ dữ liệu.

Thứ hai, về vấn đề bảo vệ thông tin cá nhân. Các tổ chức, cá nhân, bao gồm cả các bên cung cấp dịch vụ ĐTĐM đều phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ thông tin cá nhân trong các văn bản luật chuyên ngành hiện nay. Theo đó, nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM có nghĩa vụ phải thông qua sự đồng ý của người dùng trước khi thu thập, xử lý thông tin đồng thời phải thông báo và sử dụng đúng mục đích, tiến hành có các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn thông tin cá nhân, không cung cấp thông tin cho bên thứ ba trừ trường hợp được sự đồng ý của người đó hoặc pháp luật có quy định khác (Điều 21 khoản 1 và 2, Điều 22 khoản 2 Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Điều 6 khoản 2 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010). Bên cạnh đó, trong trường hợp xảy ra sự cố gây tổn hại đến an toàn thông tin cá nhân của người dùng, các doanh nghiệp đều phải thông báo trực tiếp đến người dùng, báo cáo với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, xây dựng phương án và áp dụng các giải pháp kịp thời (Điều 41 khoản 1 Luật An ninh mạng năm 2018).

Thứ ba, về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Là thành viên của WTO, Việt Nam đã cam kết tuân theo các quy định của Hiệp định TRIPS. Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam còn có những văn bản luật chuyên ngành về sở hữu trí tuệ như Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019. Tuy nhiên, các quy định về sở hữu trí tuệ hiện nay chưa đề cập nhiều đến các trường hợp xâm phạm quyền

trên Internet liên quan đến ĐTDĐM và lĩnh vực TMĐT, trong khi đó, quy định từ các hiệp định quốc tế thì chưa được nội luật hóa đầy đủ để phù hợp với các điều kiện ở Việt Nam.

Thứ tư, về vấn đề cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước. Theo quy định của các luật chuyên ngành thì hiện nay, Việt Nam cho phép 12 cơ quan khác nhau có thẩm quyền yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân cung cấp bất cứ thông tin gì cho mục đích thực thi công vụ theo chức năng và thẩm quyền của họ (Nguyễn, 2020). Pháp luật Việt Nam mới chỉ dừng lại ở các quy định chung về quyền và chức năng của các cơ quan, nằm riêng lẻ trong các luật chuyên ngành mà chưa có quy định cụ thể về trình tự tiếp cận, thời gian dữ liệu được lưu trữ, thông báo tới chủ thể của thông tin.

Thứ năm, về xác định thẩm quyền của tòa án trong giải quyết tranh chấp liên quan đến ĐTDĐM. Tại Việt Nam, các tranh chấp liên quan đến ĐTDĐM được giải quyết chủ yếu thông qua sự điều chỉnh của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trên nguyên tắc tôn trọng sự thỏa thuận của các bên. Thẩm quyền của Tòa án sẽ được xác định theo ba tiêu chí là thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền của tòa án các cấp và thẩm quyền theo lãnh thổ - được quy định chi tiết trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản khác có liên quan. Khác với Hoa Kỳ, trong hệ thống pháp luật Việt Nam không có sự tồn tại của các quy tắc, chuẩn mực giúp xác định thẩm quyền của tòa án trong tranh chấp liên quan đến ĐTDĐM nói riêng và tranh chấp trên không gian mạng nói chung.

5. Một số đề xuất hoàn thiện khung pháp lý của Việt Nam về điện toán đám mây trong thương mại điện tử

Nhằm hướng tới một không gian ĐTDĐM an toàn cho phát triển TMĐT, trên thực tế Việt Nam không cần thiết phải ban hành thêm luật mới mà chỉ cần cụ thể hóa các quy định pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, trong quá trình cụ thể hóa các quy định về các vấn đề kể trên cũng cần quy định rõ về việc khai thác, sử dụng, phổ biến dữ liệu cá nhân hay quy định về cơ quan chuyên trách theo dõi, giám sát, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về quyền này (Vũ & Lê, 2020), cụ thể như sau:

Thứ nhất, liên quan đến khả năng truy cập, truyền và lưu trữ dữ liệu. Dựa trên góc độ quyền của chủ thể thông tin cá nhân, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 và các luật liên quan khác ở Việt Nam cần mở rộng cách tiếp cận vấn đề, từ tập trung vào quyền và trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ sang tới quyền và trách nhiệm của mọi đối tượng tham gia vào quan hệ. Nghĩa là, việc đặt chủ thể dữ liệu vào vị trí trung tâm của mọi biện pháp bảo vệ là điều cần thiết. Trên cơ sở đó, pháp luật Việt Nam có thể đưa ra các quy định chi tiết giúp đảm bảo khả năng thực thi. Cụ thể, ngoài quyền yêu cầu cung cấp, cập nhật, sửa đổi thông tin đã được nhà cung cấp dịch vụ thu thập trước đó thì cần bổ sung quyền của chủ thể thông tin cá nhân về yêu cầu được đối xử minh bạch và bình đẳng; cần nhấn mạnh vào thời điểm cụ thể mà người này có thể tiếp cận thông tin trong quá trình xử lý dữ liệu.

Thứ hai, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo mật dữ liệu cá nhân. Cần chi tiết hóa các quy định sẵn có trong các luật chuyên ngành như Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018... Cần đặc biệt lưu ý đến thông báo vi phạm; truy cập, truyền tải dữ liệu và lưu trữ dữ liệu; kiểm soát dữ liệu trên nền tảng ĐTĐM; bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ thông tin người dùng. Đối với Bộ luật Dân sự năm 2015 cần bổ sung các nội dung về quyền đối với đời sống riêng tư của cá nhân. Trên thực tế, pháp luật Hoa Kỳ đã đưa ra một số quy định về quyền riêng tư dữ liệu mà Việt Nam có thể học hỏi, trong đó nêu rõ các yêu cầu về quyền ngăn chặn truy cập trái phép hay tiết lộ tùy tiện thông tin đối với các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM; điều kiện về việc cung cấp cho các bên thứ ba hay các tiêu chuẩn ngành liên quan đến ĐTĐM. Trong pháp luật Việt Nam, nghĩa vụ thông báo của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng (bao gồm cả lĩnh vực ĐTĐM) nhìn chung có nét tương đồng với các yêu cầu đặt ra trong phạm vi bảo mật dữ liệu người tiêu dùng của Hoa Kỳ. Nghĩa vụ thông báo này lần đầu tiên được đưa ra tại Luật An ninh mạng năm 2018 với nội dung chỉ ra rằng người dùng sẽ được thông báo trực tiếp trong trường hợp dữ liệu của họ bị vi phạm, bị hư hỏng hoặc bị mất. Tuy nhiên, khi đi sâu vào các quy định, pháp luật Hoa Kỳ lại thể hiện sự cụ thể, chặt chẽ hơn khi đề cập đến “quyền được biết”, “quyền được tiếp cận”, “quyền từ chối” và “quyền xóa bỏ” (Vũ & Lê, 2020). Trái lại, các văn bản pháp luật của Việt Nam về các vấn đề kể trên khó đi vào áp dụng trên thực tế do mới chỉ dừng lại ở mức quy định dựa trên các nguyên tắc, phạm vi chung.

Thứ ba, bảo đảm thẩm quyền truy cập dữ liệu của Chính phủ vì mục đích an ninh quốc gia bên cạnh bảo đảm nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền về sự riêng tư. Nhằm thúc đẩy các quy định pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư nói chung và quyền về dữ liệu cá nhân nói riêng có khả năng điều chỉnh được bao quát, sâu rộng các vấn đề phát sinh trong thực tế đời sống, trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật dựa trên tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

Thứ tư, về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp bị xâm phạm quyền trên ĐTĐM nói chung và ĐTĐM trong lĩnh vực TMĐT nói riêng. Một số vấn đề mà pháp luật Việt Nam cần làm rõ hơn trong thời gian tới có thể kể đến như việc đưa ra chế tài cụ thể xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong TMĐT; cách thức, trình tự, thủ tục thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ trong TMĐT cũng như cách bảo hộ, tìm kiếm thông tin về sở hữu trí tuệ trong TMĐT đã được đăng ký... Việc pháp luật Hoa Kỳ đưa ra quy định về việc ngăn cấm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ kiểm soát quyền truy cập đến các tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả hay xác định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM đối với các hành vi vi phạm bản quyền... hoàn toàn có giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện pháp luật của Việt Nam về vấn đề này.

Thứ năm, xác định thẩm quyền của tòa án trong giải quyết tranh chấp liên quan đến ĐTĐM. Nhằm bảo vệ bên yếu thế hơn là người sử dụng dịch vụ khi tham gia ký kết hợp đồng (chủ yếu là hợp đồng mẫu) với nhà cung cấp dịch vụ ĐTĐM, Hoa Kỳ đã đề ra một số chuẩn mực giúp việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên không gian ảo như ĐTĐM dễ dàng hơn. Tuy nhiên, qua thời gian, các chuẩn mực kể trên dần bộc lộ các yếu điểm do với tính chất phức tạp, quy mô ngày càng đa dạng của các tranh chấp hiện nay dẫn tới yêu cầu các hệ thống nguyên tắc không chỉ cần đơn giản, dễ áp dụng mà còn cần linh hoạt, phù hợp với các biến đổi nhanh chóng. Đây được xem là một bài học kinh nghiệm cho quá trình hoàn thiện pháp luật của Việt Nam về thẩm quyền giải quyết tranh chấp liên quan đến ĐTĐM. Việc đưa ra hệ thống các chuẩn mực như pháp luật Hoa Kỳ là cần thiết, nhưng khi áp dụng ở Việt Nam, cần phải quan tâm đến sự phù hợp, tính tương thích giữa hệ thống các chuẩn mực với đặc điểm pháp luật, trình độ phát triển công nghệ ở nước ta cũng như đảm bảo tính cập nhật nhanh chóng và kịp thời các quy định kể trên.

6. Kết luận

ĐTĐM ngày càng khẳng định vị trí của mình trong việc cung cấp cho người dùng một khoảng không gian mạng làm nền tảng cho việc số hóa cũng như gia tăng các loại hình dịch vụ trong hoạt động TMĐT. Qua nghiên cứu về mô hình ĐTĐM trong lĩnh vực TMĐT của pháp luật của Hoa Kỳ, nhóm tác giả đã đưa ra một số phân tích nhằm đối chiếu với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Trong bối cảnh diễn ra cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, đặc biệt khi sự bùng phát của đại dịch COVID-19 làm biến chuyển xu hướng thị trường, mở ra cơ hội lớn cho TMĐT phát triển, những lợi ích của mô hình áp dụng ĐTĐM trong TMĐT sẽ giúp mang lại nhiều tiềm năng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, kèm theo đó là các rủi ro đối với cả nhà cung cấp dịch vụ và người tiêu dùng tại thị trường Việt Nam bởi khung pháp lý Việt Nam chưa có các quy định cụ thể để điều chỉnh tương xứng với sự phát triển nhanh chóng của TMĐT nói chung và ĐTĐM trong TMĐT nói riêng. Một số vấn đề mà các chủ thể quan tâm khi tham gia vào việc sử dụng hay cung cấp ĐTĐM trong TMĐT hầu như tập trung vào các quy định về khả năng truy cập, truyền và lưu trữ dữ liệu; bảo mật dữ liệu; bảo hộ sở hữu trí tuệ hay quy định về cung cấp thông tin cho Chính phủ cũng như xác định thẩm quyền của tòa án trong giải quyết tranh chấp cá nhân liên quan đến ĐTĐM.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương (2021), *Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2021*, Hà Nội.
- Farris, A., Rawat, M. & Mousley, M.C. (2019), *Cloud Computing in the United States*, Duane Morris LLP, Philadelphia.
- Gladstone, J.A. (2003), “Determining jurisdiction in cyberspace: the “Zippo” test or the “Effect” Test?”, *Informing Science & Information Technology Education Joint Conference*, Where Parallels Intersect, pp. 143-156.
- Guo, M. (2012), “A comparative study on consumer right to privacy in e-commerce”, *Modern Economy*, Vol. 3, pp. 402-407.

- Jansen, W. & Grance, T. (2011), “Guidelines on security and privacy in public cloud computing”, *Special Publication 800-144*, National Institute of Standards and Technology, Gaithersburg.
- Lê, T.N. (2018), “Luật an ninh mạng: khoảng trống về điện toán đám mây”, *Tạp chí Tia Sáng*, Số 17, tr. 8-10.
- Mishra, R., Shar, R., Vashi, D., Patel, A., Dave, N. & Mistry, H. (2015), “Cloud Computing: a review”, *International Journal of Advanced Research in Engineering and Technology*, Vol. 6 No. 11, pp. 37-41.
- Mulligan, S.P. (2018), “Cross-Border Data Sharing Under the CLOUD Act”, R45173, Congressional Research Service, Washington.
- Ngọc, B. (2020), “Thúc đẩy nền tảng điện toán đám mây Made in Vietnam”, *Thông tấn xã Việt Nam*, Hà Nội.
- Nguyễn, B.T. (2021), “Hoàn thiện Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian phù hợp với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 19, tr. 17-26.
- Nguyễn, H.L. (2020), *Pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo vệ dữ liệu, thông tin cá nhân và quyền riêng tư*, Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã, Ban Cơ yếu Chính phủ.
- Nguyễn, M.L., Ngô, T.H.G., Nguyễn, Q.C. & Nguyễn, P.A. (2021), “Pháp luật về điện toán đám mây trong thương mại điện tử ở một số quốc gia và Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 5, tr. 53-59.
- Nguyễn, N.A. (2021), “Cloud CRM là gì và sự đổi mới trong cách thức quản lý khách hàng”, <https://callio.vn/cloud-crm-la-gi-va-su-doi-moi-trong-cach-thuc-quan-ly-khach-hang/>, truy cập ngày 18/09/2021.
- Nguyễn, T. (2020), “Hệ sinh thái chatbot và vai trò của các thành phần cơ bản trong chatbot”, <https://bizfly.vn/techblog/he-sinh-thai-chatbot-bao-gom-nhung-gi.html>, truy cập ngày 18/09/2021.
- Nguyễn, T.P. (2019), *Dự thảo Bộ Chỉ tiêu kỹ thuật điện toán đám mây*, Cục An toàn và Thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Rosenblatt, B. (1999), “Principles of jurisdiction”, https://cyber.harvard.edu/property99/domain/Betsy.html?fbclid=IwAR0XMeyqXR_W7YpJ1j3YQ13-xut_z4O0rK-jzVytSTY6Deik-Uqrt2YLPXY, truy cập ngày 30/09/2021.
- Sableman, M. (2016), *Will the Zippo Sliding Scale for Internet Jurisdiction Slide into Oblivion?*, Thompson Coburn LLP, Chicago.
- Viettel IDC (2020), “Cloud Server là gì? Tìm hiểu tính năng và hoạt động của Cloud Server”, <https://viettelidc.com.vn/tin-tuc/cloud-server-la-gi-tim-hieu-tinh-nang-va-hoat-dong-cua-cloud-server>, truy cập ngày 18/09/2021.
- Vũ, C.G. & Lê, T.N.T. (2020), “Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, Số 09, tr. 55-60.